

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận bổ sung báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012;

*Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp
luật;*

*Trên cơ sở Quyết định số 900/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2020 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc công nhận báo cáo viên pháp
luật cấp tỉnh và Quyết định số 2447/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021 của
Chủ tịch UBND tỉnh về việc công nhận bổ sung báo cáo viên pháp luật cấp
tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 30/TTr-STP ngày
04 tháng 3 năm 2022 về việc đề nghị công nhận bổ sung báo cáo viên pháp luật
cấp tỉnh.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận bổ sung 31 ông, bà có tên trong danh sách kèm theo là báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh.

Điều 2. Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh được công nhận bổ sung, hoạt động theo quy định pháp luật về báo cáo viên pháp luật.

Trường hợp các báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh chưa miễn nhiệm tại Quyết định số 900/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2020 và Quyết định số 2447/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc công nhận, công nhận bổ sung báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh tiếp tục thực hiện tư cách báo cáo viên pháp luật theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các ông, bà có tên trong danh sách nêu tại Điều 1 có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Bộ Tư pháp;
 - Cục Công tác phía Nam - Bộ Tư pháp;
 - Vụ PBGDPL - Bộ Tư pháp;
 - TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
 - Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
 - Sở Tư pháp;
 - Lưu: VT, HCTC, THNC.
- <Maibnt.QĐ.T3>



CHỦ TỊCH

Cao Tiến Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH SÁCH

Công nhận bổ sung báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2022

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

| STT | Họ và tên | Năm sinh | | Chức vụ | Đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL |
|-----|-----------------------|----------|------|------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 1 | Võ Văn Trung | 1986 | | Phó Bí thư | Tỉnh đoàn | Cử nhân Luật Kinh tế | Thanh niên |
| 2 | Nguyễn Minh Kiên | 1987 | | Phó Bí thư | Tỉnh đoàn | Thạc sĩ Hành chính công | Thanh niên |
| 3 | Phùng Thị Phương Thảo | | 1991 | Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo | Tỉnh đoàn | Kỹ sư Bảo quản chế biến nông sản thực phẩm | Thanh niên |
| 4 | Nguyễn Trần Phương Hà | | 1991 | Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Trưởng Ban Thanh thiếu nhi trường học | Tỉnh đoàn | Cử nhân Luật | Thanh niên |
| 5 | Nguyễn Thị Hải | | 1988 | Phó Trưởng phòng Xây dựng và Phổ biến, giáo dục pháp luật | Sở Tư pháp | Cử nhân Hành chính | Tư pháp |

| | | | | | | | |
|----|-----------------|------|--|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------|
| 6 | Võ Minh Thiện | 1984 | | Phụ trách Bộ phận Khoa Lưu trữ, Chi cục Văn thư - Lưu trữ | Sở Nội vụ | Cử nhân Lưu trữ và Quản trị văn phòng | Văn thư, lưu trữ |
| 7 | Nguyễn Văn Dự | 1986 | | Kiểm lâm viên, Phòng Lâm nghiệp, thanh tra pháp chế, Chi cục Kiểm lâm | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Thạc sĩ Lâm nghiệp | Lâm nghiệp |
| 8 | Nguyễn Hồng Tâm | 1986 | | Kiểm lâm viên, Phòng Lâm nghiệp, thanh tra pháp chế, Chi cục Kiểm lâm | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Kỹ sư Lâm nghiệp | Lâm nghiệp |
| 9 | Đình Trung Kiên | 1980 | | Trung tá - Phó Trưởng phòng PA02 | Công an tỉnh | Thạc sĩ Luật | Bảo vệ An ninh quốc gia |
| 10 | Luyện Tuấn Oanh | 1976 | | Trung tá - Phó Đội trưởng, Phòng PA02 | Công an tỉnh | Thạc sĩ Luật | Bảo vệ An ninh quốc gia |
| 11 | Nông Thanh Tuấn | 1975 | | Thượng tá - Trưởng phòng PA03 | Công an tỉnh | Thạc sĩ Luật | An ninh trật tự |
| 12 | Vũ Thành Doanh | 1984 | | Thiếu tá - Cán bộ Phòng PA03 | Công an tỉnh | Thạc sĩ Luật | An ninh trật tự |
| 13 | Phạm Mạnh Hùng | 1987 | | Đại úy - Cán bộ Phòng PA03 | Công an tỉnh | Thạc sĩ Luật | An ninh trật tự |
| 14 | Lê Đình Tuấn | 1987 | | Đại úy - Cán bộ Phòng PA03 | Công an tỉnh | Cử nhân Luật | An ninh trật tự |



| | | | | | | | |
|----|--------------------|------|------|---------------------------------------|--------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------|
| 15 | Hoàng Kim Sự | 1983 | | Thiếu tá, Cán bộ Phòng PA03 | Công an tỉnh | Cử nhân Luật | An ninh trật tự |
| 16 | Nguyễn Hữu Đạo | 1988 | | Đại úy - Cán bộ Phòng PA03 | Công an tỉnh | Cử nhân Luật | Quản lý xuất nhập cảnh |
| 17 | Nguyễn Hữu Hiếu | 1994 | | Trung úy - Cán bộ Phòng PA03 | Công an tỉnh | Cử nhân Luật | Quản lý xuất nhập cảnh |
| 18 | Nguyễn Thanh Quang | 1985 | | Thiếu tá - Đội trưởng, Phòng PC02 | Công an tỉnh | Cử nhân Luật | Hình sự; phòng chống tội phạm hình sự |
| 19 | Trương Anh Hào | 1977 | | Trung tá - Phó Đội trưởng, Phòng PC05 | Công an tỉnh | Cử nhân Quản trị kinh doanh | An ninh trật tự |
| 20 | Nguyễn Thanh Hà | 1978 | | Thiếu tá - Cán bộ, Phòng PC05 | Công an tỉnh | Cử nhân Luật | An ninh trật tự |
| 21 | Đỗ Khắc Hồng | 1974 | | Trung tá - Trưởng phòng PC10 | Công an tỉnh | Thạc sĩ Luật | Thi hành án hình sự; quản lý tạm giữ, tạm giam |
| 22 | Ngô Thanh Tâm | 1986 | | Thượng úy - Cán bộ, Phòng PC06 | Công an tỉnh | Cử nhân Luật | An ninh trật tự |
| 23 | Phạm Ngọc Thành | 1988 | | Đại úy - Cán bộ, Phòng PC06 | Công an tỉnh | Cử nhân Luật | An ninh trật tự |
| 24 | Trần Thị Hồng Nga | | 1978 | Chánh Văn phòng | Sở Khoa học và Công nghệ | Thạc sĩ Công nghệ thông tin | Khoa học và công nghệ |

| | | | | | | | |
|----|--------------------|------|------|----------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|
| 25 | Giang Vũ Văn | 1982 | | Phó Chánh Văn phòng | Sở Khoa học và Công nghệ | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh | Khoa học và công nghệ |
| 26 | Bùi Thị Nhân | | 1984 | Phó Chủ tịch Thường trực | Liên đoàn Lao động tỉnh | Kỹ sư Bảo quản nông sản; Cử nhân Anh văn | Lao động, Công đoàn |
| 27 | Nguyễn Văn Cường | 1977 | | Chuyên viên | Liên đoàn Lao động tỉnh | Cử nhân Luật, Cử nhân Sư phạm | Văn thư, lưu trữ |
| 28 | Trần Minh Đạt | 1979 | | Trưởng Phòng Kỹ thuật và Quản lý năng lượng | Sở Công Thương | Cử nhân Điện | Điện |
| 29 | Nguyễn Thị Lan | | 1978 | Phó Trưởng Phòng Kỹ thuật và Quản lý năng lượng | Sở Công Thương | Thạc sĩ Hóa | Hóa chất |
| 30 | Đặng Quang Minh | 1979 | | Thanh tra viên | Sở Công Thương | Thạc sĩ Kinh tế; Cử nhân Chính trị | Thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm |
| 31 | Đặng Thị Xuân Thắm | | 1982 | Ủy viên Thường trực, Trưởng Ban Tổ chức Tuyên giáo | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh | Cử nhân Tài chính kế toán | Quyền và nghĩa vụ công dân |